

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
của ngành Kiểm tra Đảng

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng;
- Xét đề nghị của Vụ Tổ chức - Cán bộ,

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ngành Kiểm tra Đảng (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 176-QĐ/KTTW, ngày 21/9/2002; Quyết định số 828-QĐ/UBKTTW, ngày 31/8/2017 và Hướng dẫn số 98-HD/KTTW, ngày 04/4/2003 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đồng chí Thành viên Ủy ban,
- Các đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Lưu: VT,LT-CNTT, Vụ TC-CB (5b).

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM



Trần Cẩm Tú
Trần Cẩm Tú



QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 747-QĐ/UBKTTW, ngày 03/11/2022
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; mục tiêu thi đua, khen thưởng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, tỷ lệ khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự, thủ tục khen thưởng.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Tập thể: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các vụ, đơn vị trực thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2.2. Cá nhân: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác hoặc đã nghỉ hưu tại ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở có thành tích nổi bật trong công tác, có công lao đóng góp xây dựng ngành Kiểm tra Đảng.

3. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

- Mục tiêu thi đua: Nhằm động viên, thu hút, khuyến khích cá nhân cán bộ, công chức và các tập thể năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Mục tiêu khen thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cá nhân cán bộ, công chức và các tập thể hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích xuất sắc của cá nhân, tập thể trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ, đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển nhằm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của mỗi tập thể, cá nhân.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

- Khen thưởng phải căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và kết quả thực hiện phong trào thi đua; đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng là gương sáng cho tập thể, cá nhân khác noi theo.

- Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một tập thể, cá nhân đạt được những thành tích khác nhau. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

- Không xem xét khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể bị kỷ luật từ khiển trách trở lên và tập thể có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên trong kỳ phát động thi đua.

Điều 3. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

- Phong trào thi đua.
- Thành tích thi đua.
- Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng

- Thành tích đạt được.
- Tiêu chuẩn khen thưởng.
- Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng”

1. Tổ chức thi đua

Việc tổ chức thi đua được chia thành các cụm thi đua như sau:

a) Cụm thi đua số 1: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương thuộc Vụ Địa bàn I;

- b) Cụm thi đua số 2: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Vụ Địa bàn II;
- c) Cụm thi đua số 3: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Vụ Địa bàn III;
- d) Cụm thi đua số 4: Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan UBKTTW;
- đ) Cụm thi đua số 5: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Vụ Địa bàn V;
- e) Cụm thi đua số 6: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương thuộc Vụ Địa bàn VI;
- g) Cụm thi đua số 7: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Vụ Địa bàn VII;
- h) Cụm thi đua số 8: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Vụ Địa bàn VIII;
- i) Cụm thi đua số 9: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương thuộc Vụ Địa bàn IA;

2. Hình thức thi đua

- Thi đua theo nhiệm kỳ: Là hình thức thi đua được tổ chức phát động căn cứ nghị quyết lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ chính trị được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; các đợt phát động thi đua lớn của Thủ tướng Chính phủ, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao trong nhiệm kỳ.

- Thi đua theo đợt hoặc chuyên đề: Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung, được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Ngành, cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

3. Điều kiện xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

Các đơn vị có đăng ký danh hiệu thi đua và gửi hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, đề nghị khen thưởng đúng thời gian theo hướng dẫn.

4. Cách đánh giá, bình xét, xếp loại thi đua, khen thưởng

Căn cứ kết quả, thành tích khen thưởng hằng năm của các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (Cụm thi đua số 4); kết quả đánh giá, xếp loại của các đơn vị thuộc các Cụm thi đua số 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, Ủy ban Kiểm tra Trung ương bình xét, đánh giá, quyết định khen thưởng trong phong trào thi đua nhiệm kỳ (*việc đánh giá, chấm điểm, xếp loại các đơn vị thuộc các Cụm thi đua số 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9 thực hiện theo các biểu mẫu đính kèm Phụ lục số 01 của Quy định này*).

5. Danh hiệu thi đua

Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Hình thức khen thưởng

6.1. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6.2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng”.

Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng*” được tặng một lần cho các cá nhân, được xét tặng vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng (16/10) hằng năm.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện

1. Đối với phong trào thi đua nhiệm kỳ; phong trào thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động

1.1. Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

1.1.1. Số lượng, tỷ lệ: Không quá 20% tổng số đơn vị thuộc cụm thi đua.

1.1.2. Tiêu chuẩn: Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm của cụm thi đua, tình hình thực tế khi phát động phong trào thi đua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn, ban hành tiêu chuẩn cụ thể.

1.2. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

1.2.1 Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho tập thể.

a) Số lượng, tỷ lệ xét tặng: Không quá 30% tổng số đơn vị thuộc cụm thi đua.

b) Tiêu chuẩn: Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm của cụm thi đua, tình hình thực tế khi phát động phong trào thi đua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn, ban hành tiêu chuẩn cụ thể.

1.2.2. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho cá nhân (áp dụng đối với phong trào thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động).

Đối tượng, số lượng, tỷ lệ, tiêu chuẩn: Căn cứ tình hình thực tế, khi phát động phong trào thi đua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn cụ thể.

1.2.3. Tặng Bằng khen đột xuất cho tập thể, cá nhân chỉ áp dụng đối với các đoàn và cá nhân tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do Ủy ban Kiểm tra Trung ương thành lập.

Số lượng, tỷ lệ xét tặng: Đối với cá nhân không quá 30% tổng số thành viên tham gia đoàn.

1.3. Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng*”

1.3.1. Đối tượng xét tặng

- Cán bộ đã và đang công tác tại ủy ban và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, kể cả các đồng chí đã nghỉ hưu có công lao đóng góp xây dựng ngành Kiểm tra Đảng.

- Cán bộ đang công tác trong lĩnh vực kiểm tra Đảng tại các cơ quan, đơn vị; tổ chức chính trị - xã hội; lực lượng vũ trang... có công lao đóng góp xây dựng ngành Kiểm tra Đảng.

- Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương có công lao đóng góp xây dựng ngành Kiểm tra Đảng.

1.3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện xét tặng

a) Tiêu chuẩn

- Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng; chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong công tác, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh.

- Trong thời gian tính tiêu chuẩn xét tặng, hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không bị kỷ luật đảng từ hình thức khiển trách trở lên trong vòng 01 năm trước thời điểm đề nghị tặng Kỷ niệm chương.

b) Điều kiện

** Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại ủy ban kiểm tra các cấp:*

- Có thời gian công tác trong ngành Kiểm tra Đảng đủ 05 năm trở lên đối với thành viên ủy ban kiểm tra từ cấp cơ sở và tương đương trở lên, cán bộ lãnh đạo cấp vụ đối với các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Kiểm tra viên cao cấp.

- Có thời gian công tác trong ngành Kiểm tra Đảng đủ 07 năm trở lên đối với cán bộ, công chức, viên chức (*không là thành viên ủy ban kiểm tra*) công tác tại cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp.

** Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương và địa phương:*

(1)- Các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Ban cán sự đảng, Đảng đoàn; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cơ quan của các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;

(2)- Các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên;

Các đồng chí giữ một trong các chức danh nêu trên tại điểm (1) và (2) được bầu làm thành viên ủy ban kiểm tra các cấp hoặc là thành viên ủy ban kiểm tra các

cấp được bổ nhiệm giữ các chức danh nêu trên có đóng góp cho công tác kiểm tra Đảng, thời gian công tác ở các chức danh nêu trên cộng đủ 05 năm trở lên.

Thời gian công tác để tính điều kiện là đến tháng 10 của năm đề nghị tặng Kỷ niệm chương, ví dụ: đề nghị năm 2022 thì tính thời gian công tác đến tháng 10/2022.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

- Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng”;
- Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khen thưởng đột xuất cho tập thể và cá nhân.

Điều 7. Thủ tục, quy trình đăng ký thi đua, hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi đua

a) Tại Cụm thi đua số 4: Các vụ, đơn vị gửi hồ sơ đăng ký thi đua về Vụ Tổ chức - Cán bộ.

b) Tại các Cụm thi đua còn lại: Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đăng ký thi đua về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (01 bộ hồ sơ qua vụ địa bàn và 01 bộ hồ sơ qua Vụ Tổ chức - Cán bộ).

2. Thời điểm đăng ký thi đua

a) Thi đua nhiệm kỳ: Đăng ký vào thời điểm đầu nhiệm kỳ, thời gian cụ thể, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có văn bản hướng dẫn chi tiết.

b) Các đợt thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động: Đăng ký vào thời điểm phát động thi đua.

3. Quy trình và hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Áp dụng chung cho cả thi đua nhiệm kỳ và các đợt thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động).

a) Đối với ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (các cụm thi đua số: 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9).

** Quy trình thực hiện*

- Các đơn vị tổ chức hội nghị tiến hành bình xét, đánh giá, đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị mình bằng phiếu kín. Hoàn thiện hồ sơ gửi về vụ theo dõi địa bàn.

- Các cụm thi đua tổ chức hội nghị:

+ Chủ trì Hội nghị là đồng chí Phó Chủ nhiệm hoặc Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương phụ trách trực tiếp.

+ Lãnh đạo vụ theo dõi địa bàn báo cáo tóm tắt kết quả thành tích đạt được của các đơn vị trong cụm (*kèm bảng tổng hợp thành tích của từng đơn vị*).

+ Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, hội nghị thảo luận, bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Bình xét đề nghị Bằng khen trước, Cờ thi đua sau; bình xét đề nghị Cờ thi đua trong số những đơn vị được đề nghị Bằng khen. Những đơn vị được đề nghị các danh hiệu phải có số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ từ 2/3 trở lên trong tổng số phiếu hợp lệ của các thành viên dự họp.

- Các vụ, cụm thi đua hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*qua Vụ Tổ chức - Cán bộ, đồng thời gửi file điện tử qua hộp thư Lotus Note của cán bộ trực tiếp theo dõi công tác thi đua, khen thưởng*).

** Hồ sơ đề nghị*

- Hồ sơ của các đơn vị gửi về vụ theo dõi địa bàn gồm: (1) Tờ trình có xác nhận của cấp ủy cùng cấp (đối với tập thể) và cấp trên trực tiếp (đối với cá nhân); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ kèm bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có); (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của đơn vị.

- Hồ sơ của các cụm thi đua do vụ theo dõi địa bàn gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm: (1) Tờ trình của vụ (có xác nhận của đồng chí Phó Chủ nhiệm phụ trách); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ của đơn vị được đề nghị khen thưởng kèm bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có); (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu tại hội nghị cụm thi đua.

b) Đối với các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (Cụm thi đua số 4)

- Quy trình thực hiện: Các vụ, đơn vị họp, đề nghị hình thức khen thưởng, gửi hồ sơ về Vụ Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Cơ quan xem xét, trình Thường trực Ủy ban hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

- Hồ sơ đề nghị: (1) Tờ trình của vụ, đơn vị (có xác nhận của đồng chí Phó Chủ nhiệm phụ trách); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ; (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của vụ, đơn vị.

4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng”

a) Quy trình:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông báo kế hoạch xét tặng Kỷ niệm chương tới ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (**chậm nhất ngày 15/5 hằng năm**).

- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương triển khai tới ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy và tương đương.

- Ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy và tương đương phổ biến quy định và tổng hợp tờ khai của cá nhân, xác nhận, lập danh sách báo cáo ban thường vụ cấp ủy. Sau đó gửi danh sách đề nghị về ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Sau khi tiếp nhận, tổng hợp, rà soát danh sách theo điều kiện, tiêu chuẩn, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo ban thường vụ cấp ủy xem xét, có ý kiến thống nhất, báo cáo, đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương (hồ sơ gửi về Vụ Tổ chức - Cán bộ).

(Lưu ý: Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu: đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn, rà soát điều kiện, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

- Đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương do Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

- Đối với người công tác ngoài ngành Kiểm tra Đảng: Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tập hợp danh sách, xin ý kiến của thường trực cấp ủy, báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

b) Hồ sơ xét tặng và thời gian gửi hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng”.

- Danh sách đề nghị xét tặng (Tờ khai và danh sách đề nghị thực hiện theo biểu mẫu kèm theo Phụ lục số 02 của Quy định này).

- Hồ sơ đề nghị của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương gửi

về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) **trước ngày 31/7 hằng năm.** (gửi kèm file excel danh sách đề nghị về địa chỉ Lotus Note của cán bộ trực tiếp theo dõi công tác thi đua, khen thưởng).

Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương phải ghi thông tin đầy đủ, chính xác (ví dụ: đồng chí Nguyễn Văn A, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã..., phường..., quận..., huyện..., tỉnh..., thành phố...); trong văn bản đề nghị của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải có thông tin cán bộ trực tiếp lập danh sách: họ tên, số điện thoại cơ quan/di động.

Điều 8. Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí

- Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.
- Các tập thể, cá nhân thuộc ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương được Ủy ban Kiểm tra Trung ương khen thưởng thì ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ ngân sách của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng theo quy định.
- Các tập thể, cá nhân thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được khen thưởng do Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương chi trả.
- Kỷ niệm chương: Thực hiện theo quy định hiện hành của Văn phòng Trung ương Đảng (Công văn số 3255-CV/VPTW/nb, ngày 20/02/2019 - không có tiền thưởng kèm theo Kỷ niệm chương).

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật.
2. Việc thu hồi quyết định khen thưởng của Ngành được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.
 - Hiện vật khen thưởng hay danh hiệu thi đua của Ngành bị sử dụng sai mục đích hoặc bị lợi dụng vào những việc vi phạm pháp luật.
 - Cá nhân, tập thể được nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Đảng đến mức gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan, đơn vị.
3. Cấp có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ, thu hồi quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được xét tặng.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Ủy ban Kiểm tra Trung ương thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về công tác thi đua, khen thưởng của Ngành; giao đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương phụ trách Vụ Tổ chức - Cán bộ là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Cơ quan giúp đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban điều hành công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cụm thi đua về việc đăng ký thi đua, tổ chức thực hiện nội dung thi đua, chấm điểm, bình xét; chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo thành tích, kết quả bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Vụ Tổ chức - Cán bộ

Là Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất, giúp Ủy ban, Thường trực Ủy ban thực hiện các công việc: Triển khai các văn bản về công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban; tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực và Ủy ban các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các tập thể, cá nhân; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Văn phòng Cơ quan

Phối hợp với Vụ Tổ chức - Cán bộ chuẩn bị kinh phí, vật tư và tổ chức triển khai các quyết định, chỉ đạo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. *Thư*

PHỤ LỤC SỐ 01
CÁC BIỂU MẪU CHẤM ĐIỂM ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA
ĐỐI VỚI UBND CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 747-QĐ/UBND TTW, ngày 03/11/2022
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

Mẫu số 1

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
1	2	3	4	5	6	7
	I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐIỀU LỆ ĐẢNG QUY ĐỊNH	63	37.5			
1	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra	01				
	Bị trừ điểm nếu:		0.5			
	Chậm xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra		0.5			
2	Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên	14				
	Bị trừ điểm nếu:		05			
a	Không chủ động kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm		02			
b	Chưa hoàn thành số cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			

3	Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng	06				
	Bị trừ điểm nếu:		05			
a	Đã phát hiện nhưng không chủ động kiểm tra kịp thời		02			
b	Chưa hoàn thành số cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			
4	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng	06				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
5	Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy và đạo đức lối sống, trách nhiệm nêu gương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương	12				
	Bị trừ điểm nếu:		06			
a	Không hoàn thành chương trình giám sát đã đề ra		02			

b	Kết quả giám sát có dấu hiệu vi phạm nhưng không chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		03			
c	Thực hiện giám sát chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
6	Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật	06				
	Bị trừ điểm nếu:		02			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
7	Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên	06				
	Bị trừ điểm nếu:		06			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
c	Đề tồn đọng quá thời gian quy định		02			
d	Đề tái tố, cấp trên phải xem xét, sửa kết luận		02			
8	Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng thuộc thẩm quyền	06				
	Bị trừ điểm nếu:		05			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Đề tồn đọng quá thời gian quy định		02			
c	Giải quyết khiếu nại, cấp ủy phải xem xét, thay đổi hình thức kỷ luật		02			

9	Kiểm tra tài chính cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới trực tiếp	06				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO CẤP ỦY GIAO		12	3,5			
1	Tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy	01				
2	Giúp cấp ủy giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và đảng viên do cấp ủy quản lý	05				
3	Giúp cấp ủy kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và kiểm tra đảng viên do cấp ủy quản lý	06				
	Bị trừ điểm nếu:		3,5			
a	Chậm tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy		0,5			
b	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
III- CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ QUAN		10	01			
1	Công tác kiện toàn tổ chức UBKT và Cơ quan UBKT	05				

2	Xây dựng chi bộ, đảng bộ và tổ chức đoàn thể cơ quan trong sạch, vững mạnh	03				
3	Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trung ương triệu tập đúng đối tượng, đủ số lượng	02				
	Bị trừ điểm nếu:		01			
	Không thực hiện được kế hoạch cử cán bộ đi học		01			
IV. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO		05	04			
1	Báo cáo 06 tháng, báo cáo năm, báo cáo nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo thi đua, báo cáo đột xuất (kể cả báo cáo thống kê).....	03				
	Bị trừ điểm nếu:		02			
a	Không đảm bảo thời gian		01			
b	Không đảm bảo chất lượng		01			
c	Không nộp báo cáo 06 tháng, báo cáo năm thì không được xét thi đua					
2	Thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định	01				
	Bị trừ điểm nếu:		01			
	Chậm thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định		01			
3	Thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao	01				
	Bị trừ điểm nếu:		01			

	Chậm thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao		01			
V. ĐIỂM THƯỜNG		10				
1	Thực hiện đề tài khoa học	01				
2	Viết được 02 tin, bài cho Tạp chí Kiểm tra	01				
3	Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp	02				
4	Kiểm tra được từ 05 cấp ủy viên cùng cấp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm hoặc từ 04 tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm	02				
5	Giám sát chuyên đề xây dựng chương trình nông thôn mới	02				
6	Phối hợp mở lớp đào tạo - bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra	01				
7	Thực hiện các ứng dụng về công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, giám sát	01				
TỔNG CỘNG		100	46			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ghi rõ họ, tên, số điện thoại liên hệ)

....., ngày..... tháng.... năm 20..
T/M ỦY BAN KIỂM TRA
(ký tên, đóng dấu)

BIỂU THỐNG KÊ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA ĐỐI VỚI
ỦY BAN KIỂM TRA CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 747-QĐ/UBKTTW, ngày 03/11/2022
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

Mẫu số 2

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
1	Số liệu tổ chức					
	Tổng số đảng viên					
	Tổ chức đảng trực thuộc					
	Số lượng ủy viên UBKTTU					
	Số lượng công chức Cơ quan UBKTTU					
2	Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát của UBKT					
3	Kiểm tra đảng viên khi có DHVP					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
4	Kiểm tra tổ chức đảng khi có DHVP					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
5	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
6	Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
7	Giám sát					
	- Giám sát thường xuyên					
	- Giám sát chuyên đề					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					

8	Thi hành kỷ luật					
	- Tổ chức					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
	- UBKT xử lý					
	- Cấp ủy xử lý					
9	Giải quyết tố cáo					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
10	Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
11	Kiểm tra tài chính đảng					
	- Cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp					
	- Cấp ủy cấp dưới trực tiếp					
	- Cấp ủy cấp dưới cách 1, 2 cấp					
12	Tham mưu xây dựng chương trình công tác hàng năm của cấp ủy					
13	Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao					
	- Giúp cấp ủy KT theo Điều 30 Điều lệ Đảng					

	+ Số tổ chức đảng					
	+ Số đảng viên					
	- Giúp cấp ủy giám sát					
	+ Số tổ chức đảng cấp dưới					
	+ Đảng viên					
	+ Cấp ủy cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy quản lý					
	+ Đối tượng khác					
14	Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ					
	- Trực tiếp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	- Phối hợp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	Phối hợp với Trường chính trị tỉnh mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ					
15	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo					
	- Báo cáo chuyên đề					
	- Báo cáo tháng					
	- Báo cáo quý					
	- Báo cáo năm					
16	Thực hiện các đề tài, sáng chế					
17	Viết tin bài đăng trên Tạp chí kiểm tra					
18	Tự chấm điểm					

Ghi chú: Cán bộ nhập số liệu không tự ý sửa biểu;
 Những nội dung không có thông tin, để trống.

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.... năm 20...
T/M ỦY BAN KIỂM TRA.....
(ký tên, đóng dấu)

>5

Số điện thoại liên hệ:

**PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM MỘT SỐ CHỈ TIÊU
ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA ĐỐI VỚI UBKT CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY,
ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

1. Kiểm tra dấu hiệu vi phạm:

- Đảng viên (ít nhất 2 đảng viên) được 14 điểm, cụ thể: cấp ủy viên cùng cấp 14 điểm; cán bộ diện cấp ủy quản lý 12 điểm; cán bộ cấp dưới 8 điểm.

- Kiểm tra tổ chức đảng được 06 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 06 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 04 điểm; cấp dưới cách 2 cấp 03 điểm.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: 06 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 06 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 04 điểm.

3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng: 03 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 03 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 02 điểm.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

4.1. Được điểm tối đa: 06 điểm (không có đơn tố cáo thuộc thẩm quyền của ủy ban hoặc của cấp ủy cùng cấp đương nhiên đạt điểm tối đa)

4.2. Giải quyết đơn tố cáo đạt 95% đơn thư trở lên, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 06 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 05 điểm.

4.3. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 70% đến 94% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 04 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 03 điểm.

4.4. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 50% đến 69% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 03 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 02 điểm.

4.5. Giải quyết đơn tố cáo đạt dưới 50% đơn thư, không được điểm.

5. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng

5.1. Không có đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của ủy ban và cấp ủy cùng cấp được điểm tối đa 06 điểm

5.2. Giải quyết đơn thư khiếu nại dứt điểm 95% số đơn thư, cụ thể: Giải quyết đơn thư của tổ chức trực tiếp và đảng viên thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý: 06 điểm;

6. Giải quyết đơn thư của tổ chức cấp dưới và đảng viên không thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý: 05 điểm.

7. Kiểm tra tài chính: 06 điểm. Cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp 06 điểm (nếu trong năm Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có kế hoạch và thực hiện kiểm tra thì được tính điểm tối đa cho đơn vị tránh kiểm tra trùng); cấp uỷ cấp dưới 1 cấp được 04 điểm; cách 2 cấp trở lên không tính điểm.

8. Giúp cấp uỷ thực hiện kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng:

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) đạt 06 điểm; 2 cuộc (ít nhất 1 tổ chức và 3 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

9. Giúp cấp uỷ thực hiện giám sát theo điều 30 Điều lệ Đảng

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 3 tổ chức và 7 đảng viên) 05 điểm; 2 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

10. Kiện toàn uỷ ban kiểm tra, cán bộ cơ quan uỷ ban kiểm tra: 05 điểm.

Đủ số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra 01 điểm; đủ biên chế cán bộ, công chức, viên chức 02 điểm; (nếu thường trực đã đề nghị về biên chế nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê chuẩn được điểm tối đa); hoạt động hiệu quả 01 điểm; thực hiện chức năng chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, hiệu quả 01 điểm.

11. Đào tạo bồi dưỡng: Cử đủ cán bộ đi học nghiệp vụ kiểm tra do trên triệu tập (hoặc cấp trên không triệu tập) được 02 điểm; không cử đủ số lượng cán bộ đi học được 01 điểm; không cử cán bộ đi học không được tính điểm.

PHỤ LỤC SỐ 02

Biểu mẫu đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 747-QĐ/UBKTTW, ngày 03/11/2022
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

.....
ỦY BAN KIỂM TRA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH

**Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng"
năm.....**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Quê quán	Số năm, tháng công tác kiểm tra Đảng (hoặc giữ chức vụ chủ chốt)	Nghỉ hưu, mất sức	Ghi chú

XÁC NHẬN CỦA THƯỜNG TRỰC CẤP ỦY

T/M ỦY BAN KIỂM TRA.....

(Ký tên, đóng dấu)

.....
ỦY BAN KIỂM TRA

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP

**Kết quả đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng"
năm**

STT	Đối tượng	Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương		Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy và tương đương		Cấp ủy xã, phường, thị trấn và tương đương		Tổng số	Ghi chú
		Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo	Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo	Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo		
A	Cán bộ làm công tác Kiểm tra Đảng								
1	Cán bộ đang công tác								
2	Cán bộ đã nghỉ hưu, mất sức								
3	Cán bộ đã chuyển công tác								
B	Cán bộ lãnh đạo theo 4 chức danh								
1	Cán bộ lãnh đạo đương chức								
2	Cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu								
3	Cán bộ lãnh đạo đã chuyển công tác								

T/M ỦY BAN KIỂM TRA.....
(ký tên, đóng dấu)

TỜ KHAI
Đề nghị xét tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng"
I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:.....
2. Sinh ngày, tháng, năm:.....
3. Ngày vào Đảng:, ngày chính thức:.....
4. Quê quán:
5. Chỗ ở hiện nay:
6. Đơn vị công tác:
7. Ngày vào công tác ngành Kiểm tra Đảng:
8. Đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức:.....
9. Khen thưởng:.....
10. Kỷ luật (Đảng, chính quyền, đoàn thể):

II- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời gian (tính theo tháng)	Ghi chú
				Tổng số thời gian làm công tác kiểm tra Đảng là năm,.....tháng

Căn cứ quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi tự nhận thấy có đủ điều kiện để xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng", kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tôi xin cam đoan nội dung tự khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Cơ quan quản lý cán bộ xác nhận

....., ngày tháng năm 20...

Người khai